

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2025/DS-PT.

Ngày: 12 - 3 - 2025.

V/v: “yêu cầu hủy GCNQSDĐ;
chia tài sản chung; thừa kế tài sản;
và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: bà Đặng Thị Đồng; bà Lê Thị Thu Trang.

Thư ký phiên tòa: ông Ngô Tấn Tài – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Thuỷ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2025, về tranh chấp “Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chia tài sản chung, thừa kế tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2024/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1961, cư trú tại: Số A, Đường số B, L, ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bà X: anh Tổng Long V, sinh năm 1976; địa chỉ: Số C, Đường G T, Khu phố A, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; (theo Văn bản uỷ quyền ngày 12/11/2024); có mặt).

2. Bị đơn: bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1979, cư trú tại: Số A, Đường số B, L, ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bà H: anh Đặng Văn B, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 22/12/2023); vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1982; cư trú: Số C, ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3.2. Anh Trần Thanh N, sinh năm 1979; cư trú: Số E, Tổ A, ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3.3. Bà Đỗ Thị Cẩm T, sinh năm 1966; cư trú tại: Số B, Hẻm S, Đường T, khu phố N, phường N, thành phố T; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3.4. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1986; cư trú: Số E, Đường số B, B, khu phố N, phường N, thành phố T; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3.5. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: ông Lại Vũ Hiếu T2, chức vụ: Chi cục trưởng.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* bà Thăng Thị L, sinh năm 1980 – Chấp hành viên; vắng mặt.

3.6. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T;

Người đại diện theo pháp luật: ông Văn Tiên D, chức vụ: giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Dương Tấn P, sinh năm 1987, chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T – Chi nhánh thành phố T; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* bà Nguyễn Thị X – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29-11-2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Thành L1 là vợ chồng, ông bà có 01 con chung là bà Nguyễn Kim H. Ông L1, bà X có tài sản chung là phần đất diện tích 29.645 m² thuộc các thửa đất số 1705, 1706, 1707, 1716, 1717, 1718, 1719, 1729, tờ bản đồ số 3 và thửa 368, 388, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã T, huyện H (nay là thành phố T), tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số 00273 QSDĐ/D1 do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Thành L1 ngày 30/11/1992.

Ngày 24/6/2015, ông Nguyễn Thành L1 chết không để lại di chúc nên việc thừa kế tiến hành theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/12/2018, bà X và bà H đến UBND xã T lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế.

Ngày 16/01/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T đã cấp GCNQSDĐ cho bà H như sau:

- Phần đất diện tích 9.892 m², thuộc thửa 212, tờ bản đồ 12, tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh theo GCNQSDĐ số CQ150193.

- Phần đất diện tích 11.209 m², thuộc thửa 369, tờ bản đồ 12, tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh theo GCNQSDĐ số CQ150194.

Sau khi được cấp GCNQSDĐ, bà H đã quản lý toàn bộ tài sản và thu lợi trên thửa đất này.

Nay bà X yêu cầu:

- Hủy GCNQSDĐ thuộc thửa 369, 212 tờ bản đồ số 12, tổng diện tích 21.102 m² tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh do bà Nguyễn Kim H đứng tên;

- Chia tài sản chung và tài sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với quyền sử dụng đất nêu trên cho bà X.

- Yêu cầu bà H bồi thường cho bà số tiền 400.000.000 đồng do bà H chiếm dụng đất của bà X.

Lý do, bà chỉ tặng cho bà H ½ suất thừa kế của bà, còn lại ½ phần tài sản của bà không cho. Tuy nhiên, khi bà ký văn bản thỏa thuận mặc dù văn bản thỏa thuận có nội dung tặng cho ½ phần tài sản của bà do bà không hiểu, không đọc văn bản, không có yêu cầu ai giải thích văn bản, bà tự nguyện ký tên vào văn bản thỏa thuận, không có ai ép buộc, ý chí của bà chỉ tặng cho ½ suất thừa kế nhưng bà H lại được đứng tên 02 phần đất trên thì bà không biết. Từ khi bà H được cấp GCNQSDĐ bà không có khiếu nại gì.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà H (bị đơn), anh Đặng Văn B trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của bà X về nguồn gốc phần đất tranh chấp và lời trình bày của bà X, nhưng sau khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ thì bà đăng ký hết 02 thửa đất nêu trên do thuê dịch vụ làm. Sau khi được cấp giấy toàn bộ 02 thửa đất, mặc dù thấy không đúng nhưng không có khiếu nại hay điều chỉnh, lý do vì nghĩ là mẹ con. Bà H cũng đồng ý việc cấp giấy đất như vậy. Từ khi được cấp GCNQSDĐ bà H là người trực tiếp canh tác, sau đó có cho bà T và anh T1 thuê đất. Bà H đã nhận đủ tiền cho thuê đất và hiện vẫn chưa đến hạn hợp đồng thuê.

Bà H đồng ý yêu cầu hủy 02 GCNQSDĐ do bà H đứng tên, thống nhất yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu chia di sản thừa kế của bà X. Đối với yêu cầu bồi thường 400.000.000 đồng bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B1 trình bày:

Năm 2022, bà Nguyễn Kim H và chồng là Nguyễn Văn T3 có vay tiền của bà nhiều lần nhưng không trả nên bà đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh. Quá trình giải quyết bà có đề nghị phong tỏa 02 phần đất của bà H hiện bà X đang tranh chấp và đã có Quyết định số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 20/02/2023 phong tỏa 02 phần đất trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2023/DS-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh và Bản án dân sự phúc thẩm số 382/2023/DS-PT ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh; tuyên buộc ông T3, bà H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 3.673.393.000 đồng. Sau khi có Bản án, bà đã đề nghị thi hành án. Tuy nhiên, việc thi hành án bị tạm hoãn do bà X khởi kiện bà H. Việc khởi kiện của bà X nhằm kéo dài việc thi hành án và tẩu tán tài sản. Do đó, bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Cẩm T trình bày:

Bà và bà X là hàng xóm. Hiện bà có đang thuê đất và canh tác trên phần đất hiện bà X đang tranh chấp với bà H. Trước đây, vợ chồng bà có thuê một phần đất ruộng của bà H. Chồng bà là ông Nguyễn Văn Q viết giấy tay thuê đất với chồng bà H là ông Nguyễn Văn T3, thời hạn thuê đất là 05 năm; từ ngày 06/01/2022 đến ngày 06/01/2027, số tiền thuê là 135.000.000 đồng. Vợ chồng bà đã giao đủ tiền cho bà H và canh tác từ năm 2022 đến nay. Chồng của bà hiện đã chết, bà là người canh tác. Từ khi thuê và canh tác đến nay không có ai ngăn cản. Nay bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Ông có sang nhượng hợp đồng thuê vườn măng cầu của bà H từ bà Lâm Bảo V1 từ ngày 16/02/2022 (đất này bà H cho bà V1 thuê, bà V1 cho ông thuê lại), giá thuê là 255.000.000 đồng, đã thanh toán đủ tiền cho bà V1. Bà V1 cũng đã trả đủ tiền cho bà H. Từ khi thuê đến nay ông quản lý sử dụng, không có ai ngăn cản. Nay ông không có ý kiến gì trong vụ án này.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh trình bày:

Thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2023/DS-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh và Bản án dân sự phúc thẩm số 382/2023/DS-PT ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, theo Đơn yêu cầu thi hành án ngày 18/10/2023 của bà Nguyễn Thị B1. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh đã ban hành Quyết định thi hành án số 84/QĐ-CCTHA ngày 25/10/2023 buộc ông T3, bà H phải trả cho bà B1 số tiền 3.673.393.000 đồng và lãi suất.

Ngày 26/10/2023, Chi cục Thi hành án đã tổng đạt cho bà H quyết định trên. Ngày 22/11/2023, Chi cục Thi hành án thành phố Tây Ninh ban hành Quyết định số 14 về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa 212, 369 tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại: ấp T, xã T, thành

phố T do bà H đứng tên GCNQSDĐ để đảm bảo thi hành án. Việc kê biên xử lý tài sản của người phải thi hành án là bà Nguyễn Thị H1 là có căn cứ, đúng quy định, bảo đảm thi hành nghĩa vụ của bà H1 đối với bà B1. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T trình bày:

Ngày 05/12/2018, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Kim H thực hiện chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại UBND xã T, thành phố T, số chứng thực 01/2018-SCT/HĐ.GD có nội dung: “...Nay bằng văn bản này, tôi: Nguyễn Thị X xin tặng cho $\frac{1}{2}$ phần tài sản theo suất thừa kế của mình được hưởng đối với tài sản thừa kế nói trên và $\frac{1}{2}$ phần tài sản của tôi cho con của tôi là Nguyễn Kim H được toàn quyền quyết định...” Nội dung đã được Chủ tịch UBND xã T chứng thực. Việc cấp GCNQSDĐ số CA150193 và GCNQSDĐ số CQ150194 ngày 16/01/2019 do bà Nguyễn Kim H đứng tên theo thủ tục số 15 Danh mục Bộ thủ tục hành chính quy định tại Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 của UBND tỉnh về việc công bố nội dung quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở T để thực hiện tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh Tây Ninh, hồ sơ đủ điều kiện quy định tại Điều 79 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai 2013. Do đó, Sở T không đồng ý hủy 02 GCNQSDĐ cấp ngày 16/01/2019 cho bà Nguyễn Kim H như yêu cầu của nguyên đơn.

** Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 235/2024/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định;*

Căn cứ Điều 244, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 149, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 106, 166 của Luật Đất đai 2013; Điều 29, 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc “Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chia tài sản chung, tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại” đối với bà Nguyễn Kim H.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 28/11/2024, bà X kháng cáo yêu cầu chấp nhận khởi kiện của bà.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Anh V2 (đại diện cho bà X) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà X. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X.

- Tại đơn vắng mặt của bà B1 không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn.

* Phần tranh luận: anh V2 không tranh luận.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X; giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà B1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh B (đại diện bà H) đề nghị hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phiên tòa này đã được mở lại lần thứ hai nên căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Ngày 22/11/2023, Chi cục Thi hành án thành phố Tây Ninh có quyết định kê biên thửa 369, 212 tờ bản đồ số 12, tổng diện tích 21.102 m² tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh do bà H đứng tên GCNQSDĐ để đảm bảo thi hành án cho bà B1 (bà H nợ bà B1 số tiền 3.673.393.000 đồng thì ngày 29/11/2023 bà X khởi kiện bà H yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ do bà H đứng tên 02 thửa đất nêu trên, chia tài sản chung và tài sản thừa kế theo quy định pháp luật và yêu cầu bà H bồi thường cho bà số tiền 400.000.000 đồng do bà H chiếm dụng đất của bà. Bà H đồng ý yêu cầu của bà X nhưng không đồng ý bồi thường thiệt hại. Bà B1 không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét kháng cáo của bà X thấy rằng:

[3.1] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp: bà X, bà H thống nhất đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Thành L1. Ông L1 chết năm 2015, không để lại di chúc. Ngày 05/12/2018, bà X, bà H đã lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại UBND xã T. Nội dung Văn bản thỏa thuận xác nhận di sản của ông L1 chết để lại là ½ diện tích đất trong thửa 212 (9.892 m²), 369 (1.209 m²) Tờ bản đồ số 12 theo GCN số B439975 do UBND huyện H cấp ngày

30/11/1992 cho ông Nguyễn Thành L1. Sau khi lập Văn bản thỏa thuận, bà H được cấp GCNQSDĐ số CA150193 và GCNQSDĐ số CQ150194 cấp ngày 16/01/2019 đối với thửa 212, 369 nêu trên.

[3.2] Về chứng cứ: quá trình giải quyết vụ án bà X và bà H đều thừa nhận có đến UBND xã T lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 05/12/2018. Việc lập Văn bản thỏa thuận, ký tên hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc. Nội dung Văn bản thỏa thuận: “...Nay bằng văn bản này, tôi: Nguyễn Thị X xin tặng cho $\frac{1}{2}$ phần tài sản theo suất thừa kế của mình được hưởng đối với tài sản thừa kế nói trên và $\frac{1}{2}$ phần tài sản của tôi cho con của tôi là Nguyễn Kim H được toàn quyền quyết định...”. Quá trình xác minh được hiểu là bà X tặng cho toàn bộ tài sản của bà X gồm: $\frac{1}{2}$ tài sản chung của bà và ông L1 và $\frac{1}{2}$ di sản bà thừa kế của ông L1. Trên cơ sở Văn bản thỏa thuận trên Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T cấp GCNQSDĐ cho bà H hoàn toàn đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

[3.3] Bà X, bà H trình bày khi thỏa thuận, bà X chỉ tặng cho $\frac{1}{2}$ phần tài sản theo suất thừa kế nghĩa là $\frac{1}{4}$ di sản thừa kế, không có nội dung “ và $\frac{1}{2}$ phần tài sản của tôi”. Bà X cho rằng khi ký tên bà không đọc văn bản, đến khi công khai chứng cứ bà X mới biết. Lời trình bày của bà X là không có căn cứ. Bởi lẽ: việc đọc lại văn bản là nghĩa vụ của đương sự, nếu văn bản ghi không đúng thì bà có quyền yêu cầu cán bộ làm lại hoặc từ chối ký vào văn bản. Mặt khác, tài liệu chứng cứ Xuyến nộp kèm theo đơn khởi kiện có hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất, có văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và Văn bản bà X nộp cho Tòa án có nội dung thỏa thuận đã được sửa chữa, bổ sung tại UBND xã T nên vấn đề này pháp luật buộc bà phải biết.

[3.4]. Bà X có đơn yêu cầu giám định phần nội dung viết tay này không phải chữ ký của bà. Tuy nhiên, quá trình xác minh, thu thập chứng cứ cũng như quá trình giải quyết tại Tòa án, không có ai cho rằng đây là chữ viết của bà mà nội dung viết tay này là việc Ủy ban chỉnh sửa trong trường hợp có yêu cầu của đương sự, theo quy định không cần có chữ ký của đương sự tại phần chỉnh sửa, chỉ cần có dấu mộc của Cơ quan chứng thực văn bản. Do đó, không cần thiết tiến hành giám định chữ viết theo yêu cầu của bà X.

[3.5] Về nội dung Văn bản thỏa thuận, bà H cho rằng không có thỏa thuận cho toàn bộ diện tích 02 thửa đất 212, 369, tờ bản đồ số 12 nhưng bà lại kê khai đăng ký quyền sử dụng đất toàn bộ 02 thửa đất tranh chấp. Sau khi được cấp GCNQSDĐ bà X, bà H cũng không có ai khiếu nại hay yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy đất. Sau đó, bà H cho vợ chồng bà Đỗ Thị Cẩm T và bà Lâm Bảo V1 thuê đất, bà V1 sang nhượng lại hợp đồng thuê cho ông Nguyễn Văn T1 từ năm 2021 - 2022, ông T1 canh tác trên đất không có ai ngăn cản. Do đó, bà X cho rằng mình không biết bà H được cấp GCNQSDĐ toàn bộ 02 thửa đất trên không có căn cứ.

Từ những nhận định trên, cho thấy: đất tranh chấp bà X đã tặng cho phần tài sản chung của bà với ông L2 và phần bà thừa kế của ông L1 cho bà H, bà H đã được cấp GCNQSDĐ và sử dụng liên tục từ năm 2018 đến nay, bà X không khiếu nại, không tranh chấp đến khi cơ quan thi hành án kê biên các phần đất này để đảm bảo thi hành án cho bà B1 thì bà X mới khởi kiện tranh chấp. Do đó, các thửa đất nêu trên không phải là di sản, không phải là tài sản chung của bà H và bà X theo quy định tại Điều 207, 612 của Bộ luật Dân sự mà thuộc quyền sử dụng của bà một mình bà H theo quy định tại Điều 205 của Bộ luật Dân sự. Việc cấp GCNQSDĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cho bà H 02 thửa đất nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X là có căn cứ; bà X kháng cáo không cung cấp được chứng cứ gì mới nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: bà X là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị X.

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 235/2024/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 205, 207, 612 của Bộ luật Dân sự; 166 của Luật Đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc “Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chia tài sản chung, tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại” đối với bà Nguyễn Kim H tranh chấp liên quan đến thửa đất số 212 (diện tích 9.892 m²), thửa 369 (diện tích 1.209 m²) tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA150193 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ150194 cấp ngày 16/01/2019 do bà Nguyễn Kim H đứng tên.

2. Về chi phí tố tụng: bà Nguyễn Thị X phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá, trích lục hồ sơ số tiền 33.520.000 đồng (Ba mươi ba triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng; ghi nhận bà X đã nộp thanh toán xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: bà Nguyễn Thị X được miễn.
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM;
- VKSNDCC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TP TN;
- CCTHADS TPTN;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tâm